

Số: **71** /NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày **28** tháng **4** năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
KHÓA XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THÁNG 4 NĂM 2023**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn gia giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 14/04/2022; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 20/07/2022, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 02/11/2022, Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 và Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/03/2023 của HĐND thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột;

Sau khi xem xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 21/04/2023 của UBND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 426/BC-HĐND ngày 27/4/2023 của Ban Kinh tế - Xã hội; Ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn thu giai đoạn 2021 - 2025:

- Điều chỉnh giảm: 10.010 triệu đồng từ ngân sách Trung ương bổ sung.

- Bổ sung tăng: 71.600 triệu đồng, từ các nguồn: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố là 2.923 triệu đồng; tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu thuế, phí, tiết kiệm chi thường xuyên là 12.000 triệu đồng; thu hồi tiền sử dụng đất đã ứng cho chi thường xuyên và hoàn nguồn do bố trí các dự án có tính chất đầu tư (thực hiện kiến nghị Kiểm toán Nhà nước) là 56.677 triệu đồng.

Tổng nguồn thu thành phố được hưởng để đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung là 6.105.241 triệu đồng (trong đó: Tiền sử dụng đất 5.816.948 triệu đồng; ngân sách tỉnh hỗ trợ 44.923 triệu đồng; ngân sách Trung ương bổ sung 218.290 triệu đồng; tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí 12.000 triệu đồng; huy động và tài trợ khác 13.080 triệu đồng).

2. Điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025:

a) Điều chỉnh giảm nguồn ngân sách Trung ương đã phân bổ dự án đầu tư là: 10.010 triệu đồng đối với 03 dự án.

b) Phân bổ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung 2.923 triệu đồng cho 02 dự án.

c) Điều chỉnh, bổ sung phân bổ nguồn tiền sử dụng đất: 213.258 triệu đồng (sử dụng tiền sử dụng đất bổ sung 56.677 triệu đồng và 156.581 triệu đồng từ dự phòng trung hạn), gồm:

- Bố trí vốn cho các dự án điều chỉnh giảm ngân sách Trung ương và bố trí vốn đối ứng cho các dự án bổ sung ngân sách tỉnh tại mục a, b nêu trên và một số dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, với số vốn cần phân bổ thêm 5.012 triệu đồng¹.

- Đầu tư công trình cho các xã (Cư Êbur, Hòa Khánh, Hòa Phú, Hòa Xuân) đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao: 147.264 triệu đồng.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và quản lý nhà nước tại các phường trung tâm 60.982 triệu đồng.

¹ - Giảm 17.823trđ, gồm: Điều chỉnh sang vốn Tỉnh bổ sung đối với dự án Trường THCS Hàm Nghi và giảm vốn không thực hiện đầu tư của 02 dự án (Hoa viên cây xanh khu dân cư phường Tân Hòa 2.400trđ, Hoa viên cây xanh khu đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi (khu dân cư đường Hà Huy Tập) 14.000 trđ).

- Tăng 22.835 trđ, gồm: 02 dự án giảm nguồn NSTW (Nâng cấp, cải tạo Công viên Phù Đồng; Cải tạo, tổ chức các nút giao để đảm bảo an toàn giao thông) và 03 dự án đối ứng NS Tỉnh bổ sung hoặc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư (Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi; Trường Mầm non Hòa Thắng (Điểm học thôn 9); Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai).

d) Phân bổ nguồn tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí cho các dự án số tiền 12.000 triệu đồng.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn sau khi điều chỉnh, bổ sung:

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung là 6.105.241 triệu đồng, trong đó:

- Số đã phân bổ là 5.791.254 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương bổ sung 218.290 triệu đồng; ngân sách tỉnh hỗ trợ 41.423 triệu đồng; tiền sử dụng đất 5.506.461 triệu đồng; tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí 12.000 triệu đồng; huy động và tài trợ khác 13.080 triệu đồng.

- Số vốn để dự phòng kế hoạch vốn trung hạn chưa phân bổ là 313.987 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.500 triệu đồng, tiền sử dụng đất 310.487 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết 1, 2 và 2a, 2b, 2c kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân Thành phố. Tiếp tục rà soát các nội dung phát sinh, trình HĐND Thành phố phân bổ chi tiết số vốn dự phòng bảo đảm theo quy định.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và phường, xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nêu cao vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện theo chức năng được quy định tại Điều 74, 75 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột khóa XII, kỳ họp Chuyên đề thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (báo cáo);
- TT Thành ủy (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- Các phòng: TC-KH, QL&ĐT, KT, GD&ĐT, Tư pháp, TNMT;
- Ban QLDA ĐTXD TP;
- TT PTQĐ TP;
- VP HĐND và UBND TP;
- TT HĐND các phường, xã;
- Lưu: VT(60b).



CHỦ TỊCH

Từ Thái Giang

Phụ lục 1:
NGUỒN THU ĐỂ ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 - SAU KHI BỔ SUNG
 (Kèm theo Nghị quyết số: 71 /NQ-HĐND ngày 28 / 4 /2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn thu	Dự toán tính giao			Dự toán thành phố thực hiện (theo Nghị quyết 65/NQ-HĐND - 07/03/2023)			Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán thành phố thực hiện sau khi bổ sung nguồn thu			Ghi chú
		Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công	Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công	Điều chỉnh giảm	Bổ sung nguồn thu	Tổng cộng	Trích lập các Quỹ và phân chia với Tỉnh	Nguồn thành phố được hưởng để đầu tư công	
	TỔNG CỘNG	3.642.000	960.000	2.682.000	7.822.599	1.778.948	6.043.651	(10.010)	71.600	7.884.189	1.778.948	6.105.241	
1	Tiền sử dụng đất	3.600.000	960.000	2.640.000	7.539.219	1.778.948	5.760.271	-	56.677	7.595.896	1.778.948	5.816.948	
1a	Thực hiện giai đoạn 2021-2025	3.600.000	960.000	2.640.000	6.969.400	1.649.090	5.320.310	-	-	6.969.400	1.649.090	5.320.310	
a	Năm 2021 (NSTP hưởng 50%)	800.000	400.000	400.000	850.700	425.350	425.350		-	850.700	425.350	425.350	
b	Năm 2022 đến năm 2025 (NSTP hưởng 80%, sau khi trích lập các Quỹ 20%)	2.800.000	560.000	2.240.000	6.118.700	1.223.740	4.894.960			6.118.700	1.223.740	4.894.960	
	- Năm 2022				1.018.700	203.740	814.960			1.018.700	203.740	814.960	
	- Năm 2023				1.700.000	340.000	1.360.000			1.700.000	340.000	1.360.000	
	- Năm 2024				1.700.000	340.000	1.360.000			1.700.000	340.000	1.360.000	
	- Năm 2025				1.700.000	340.000	1.360.000			1.700.000	340.000	1.360.000	
1b	Nguồn vốn bổ sung kế hoạch trung hạn	-	-	-	569.819	129.858	439.961		56.677	626.496	129.858	496.638	
	- Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021				76.811	38.406	38.405			76.811	38.406	38.405	
	- Tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022				457.262	91.452	365.810			457.262	91.452	365.810	
	- Thu hồi tiền sử dụng đất đã ứng cho chi thường xuyên và hoàn nguồn do bố trí các dự án có tính chất đầu tư (thực hiện kiến nghị KTNN)				9.924		9.924		56.677	66.601		66.601	
	- Thu kết dư do hủy bỏ kế hoạch vốn và quyết toán giảm khối lượng...				25.822		25.822			25.822		25.822	
2	Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí								12.000	12.000		12.000	
3	Ngân sách trung ương bổ sung				228.300		228.300	(10.010)		218.290		218.290	
4	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ (bổ sung mục tiêu)	42.000	-	42.000	42.000	-	42.000		2.923	44.923	-	44.923	
a	Đầu tư trường học đạt chuẩn theo NQ 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	17.500		17.500	17.500		17.500			17.500		17.500	
b	Đầu tư công trình nông thôn mới theo cơ chế thông thường (05 công trình)	24.500		24.500	24.500		24.500			24.500		24.500	
c	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng								2.923	2.923		2.923	
5	Nguồn huy động, tài trợ khác				13.080		13.080			13.080		13.080	(chi tiết theo NQ 59/NQ-HĐND - 28/12/2022)

Phụ lục 2:
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 71 /NQ-HĐND ngày 28 / 4 /2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phương án phân bổ lần đầu (theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND - 29/12/2021)	Đã điều chỉnh, bổ sung	Phương án phân bổ đã điều chỉnh (theo Nghị quyết 65/NQ-HĐND - 07/03/2023)	Nay điều chỉnh, bổ sung		Phương án phân bổ sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	4.186.790	1.856.861	6.043.651	(10.010)	71.600	6.105.241	
Phần 1	Số thực hiện phân bổ	3.621.212	1.951.871	5.573.083	(10.010)	228.181	5.791.254	
A	Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung	-	228.300	228.300	(10.010)	-	218.290	
1	Đầu tư lĩnh vực giáo dục		128.200	128.200			128.200	
2	Đầu tư công trình cho các xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu		55.700	55.700			55.700	
3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông và quản lý nhà nước tại các phường trung tâm		44.400	44.400	(10.010)		34.390	
B	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	42.000	(3.500)	38.500		2.923	41.423	
1	Đầu tư trường học đạt chuẩn theo NQ 22/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	17.500	(3.500)	14.000			14.000	
2	Đầu tư công trình nông thôn mới theo cơ chế thông thường (05 công trình)	24.500	-	24.500			24.500	
3	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng		-			2.923	2.923	
C	Nguồn thu tiền sử dụng đất	3.579.212	1.713.991	5.293.203		213.258	5.506.461	
I	Bổ trí vốn cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang	181.090	18.861	199.951			199.951	
II	Bổ trí để thực hiện thanh toán nợ và chuyển tiếp cho các công trình quy hoạch, duy tu, xây dựng thường xuyên có tính chất đầu tư thực hiện từ năm 2020 trở về trước	18.650	-	18.650			18.650	
III	Hoàn trả tiền sử dụng đất còn nợ Quỹ phát triển nhà - đất từ năm 2017 trở về trước	62.399	-	62.399			62.399	
IV	Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm	500.000	-	500.000			500.000	
V	Kinh phí lập quy hoạch	7.390	46.958	54.348			54.348	
VI	Dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025	2.809.683	443.659	3.253.342		213.258	3.466.600	
1	Vốn dành cho các dự án trọng điểm và các dự án cần quan tâm mở mới giai đoạn 2021-2025	1.600.000	-	1.600.000		-	1.600.000	

TT	Danh mục dự án	Phương án phân bổ lần đầu (theo Nghị quyết 32/NQ-HĐND - 29/12/2021)	Đã điều chỉnh, bổ sung	Phương án phân bổ đã điều chỉnh (theo Nghị quyết 65/NQ-HĐND - 07/03/2023)	Nay điều chỉnh, bổ sung		Phương án phân bổ sau khi điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
-	Các dự án trọng điểm; Cải tạo dòng suối	1.425.000	-	1.425.000			1.425.000	
-	Các dự án cần quan tâm	175.000	-	175.000			175.000	
2	Các dự án khởi công mới khác theo nhu cầu của phường, xã và các cơ quan, đơn vị	1.209.683	443.659	1.653.342		213.258	1.866.600	
VII	Dự án hạ tầng tạo vốn từ quỹ đất (gồm: chi phí đầu tư, chi phí ứng vốn từ Quỹ phát triển Nhà - Đất tỉnh và các chi phí liên quan)		1.175.520	1.175.520			1.175.520	
VIII	Lát đá vỉa hè thực hiện theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố		28.993	28.993			28.993	
D	Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí		-			12.000	12.000	
E	Nguồn huy động, tài trợ khác		13.080	13.080			13.080	
Phần 2	Dự phòng, gồm:	565.578	(95.010)	470.568		(156.581)	313.987	
I	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung		3.500	3.500			3.500	Để phân bổ cho trường chuẩn năm 2025
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	565.578	(98.510)	467.068		(156.581)	310.487	Trong đó: Số vốn đối ứng kinh phí cùng với nhân dân cải tạo lại các tuyến vỉa hè theo Nghị quyết thí điểm của HĐND thành phố (dự kiến là 50.000 trđ, đã phân bổ 28.993 trđ)

Phụ lục 2a: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGUỒN VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
(Kèm theo Nghị quyết số: 71 /NQ-HĐND ngày 28 / 4 /2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã phân bổ			Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			Tổng cộng	Trong đó			
					NSTP	Huy động, khác		Tiền SD đất	NSTW bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	NS Tinh bổ sung		Tiền SD đất	NSTW bổ sung	NS Tinh bổ sung	
	TỔNG CỘNG			98.074	98.074	-	80.249	42.649	37.600	(2.075)	5.012	(10.010)	2.923	78.174	47.661	27.590	2.923	
I	Lĩnh vực giáo dục			48.200	48.200	-	30.375	13.775	16.600	17.925	15.002	-	2.923	48.300	28.777	16.600	2.923	
1	Trường THCS Hàm Nghi; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 8 phòng, nhà đa năng; Cải tạo nhà lớp học, sân, công tường rào và HTHT	Xã Cư Êbur	UBND xã Cư Êbur	20.000	20.000		20.000	10.500	9.500	-	(1.423)		1.423	20.000	9.077	9.500	1.423	
2	Trường Tiểu học Mạc Thị Bưởi; HM: Xây dựng Nhà bộ môn, nhà để xe; cải tạo các khối nhà hiện trạng, nhà vệ sinh, sân và HTKT	Xã Ea Tu	UBND xã Ea Tu	9.000	9.000		-			9.000	7.500		1.500	9.000	7.500	-	1.500	
3	Trường Mầm non Hòa Thắng (Điểm học thôn 9); hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng, 02 phòng hành chính, 01 phòng đa năng, bếp ăn, sân và hạ tầng kỹ thuật	Xã Hòa Thắng	UBND xã Hòa Thắng	5.800	5.800		3.900	1.200	2.700	1.900	1.900			5.800	3.100	2.700	-	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai; Hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn và nhà bán trú (02 tầng); Dãy nhà 03 tầng (gồm: 04 phòng học + 05 phòng bộ môn và chức năng); nhà để xe, nhà bảo vệ; PCCC	Xã Hòa Phú	UBND xã Hòa Phú	13.400	13.400		6.475	2.075	4.400	7.025	7.025			13.500	9.100	4.400	-	
II	Lĩnh vực khác			49.874	49.874	-	49.874	28.874	21.000	(20.000)	(9.990)	(10.010)	-	29.874	18.884	10.990	-	
1	Nâng cấp, cải tạo Công viên Phù Đồng	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	14.974	14.974		14.974	7.574	7.400	-	2.910	(2.910)		14.974	10.484	4.490	-	
2	Cải tạo, tổ chức các nút giao để đảm bảo an toàn giao thông	Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP	14.900	14.900		14.900	4.900	10.000	-	3.500	(3.500)		14.900	8.400	6.500	-	
3	Hoa viên cây xanh khu dân cư phường Tân Hòa	Phường Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD TP	6.000	6.000		6.000	2.400	3.600	(6.000)	(2.400)	(3.600)		-	-	-	-	Dự án không thực hiện
4	Hoa viên cây xanh khu đô thị mới Trung tâm phường Tân Lợi (khu dân cư đường Hà Huy Tập)	Phường Tân Lợi	Ban QLDA ĐTXD TP	14.000	14.000		14.000	14.000		(14.000)	(14.000)			-	-	-	-	Dự án không thực hiện

Phụ lục 2b: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN - XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO VÀ KIỂU MẪU CÁC XÃ
(Kèm theo Nghị quyết số: 71 /NQ-HĐND ngày 28 / 4 /2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó Tiền sử dụng đất	
					NSTP	Huy động, khác			
	TỔNG CỘNG			147.489	147.264	225	147.264	147.264	
I	GIAO THÔNG			97.066	96.841	225	96.841	96.841	
1	Cải tạo, sửa chữa đường trục chính buôn Dĩa Prông đoạn từ nút giao đường YMoan Ênuôl đi cuối tuyến	Xã Cư Êbur	UBND Xã Cư Êbur	3.650	3.650		3.650	3.650	
2	Đường từ nghĩa trang thôn 7, xã Cư Êbur đến hết ranh giới địa bàn Thành phố	Xã Cư Êbur	UBND Xã Cư Êbur	3.742	3.742		3.742	3.742	
3	Đường trục chính nội đồng từ nghĩa trang thôn 7 đi buôn Ea Bông, xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	UBND Xã Cư Êbur	2.950	2.950		2.950	2.950	
4	Đường trục chính nội đồng trục 01, buôn Dĩa Prông, xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	UBND Xã Cư Êbur	4.100	4.100		4.100	4.100	
5	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông thôn 9, 10 đi buôn Kbu, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	2.863	2.863		2.863	2.863	
6	Đường trục chính nội đồng thôn 22, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	3.400	3.400		3.400	3.400	
7	Nâng cấp đường nội đồng thôn 3, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	1.511	1.511		1.511	1.511	
8	Cải tạo, sửa chữa các trục đường chính xã Hòa Phú (06 trục)	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	4.500	4.275	225	4.275	4.275	
9	Đường từ buôn M'Rê đi thôn 13, xã Hòa Phú	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	3.000	3.000		3.000	3.000	
10	Đường liên thôn 4, thôn 9, thôn 10 đi qua cánh đồng Bắc Phú Thái, xã Hòa Phú (giai đoạn 1)	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	8.220	8.220		8.220	8.220	
11	Đường trục chính nội đồng thôn 5, xã Hòa Phú (giai đoạn 1)	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	4.700	4.700		4.700	4.700	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó Tiền sử dụng đất	
					NSTP	Huy động, khác			
12	Đường trục chính nội đồng thôn 10 đi khu sản xuất thôn 5, xã Hòa Phú (giai đoạn 1)	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	5.730	5.730		5.730	5.730	
13	Sửa chữa, mở rộng đường giao thông từ trung tâm xã Hòa Xuân đi Thôn 5 (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	16.500	16.500		16.500	16.500	
14	Nâng cấp đường liên thôn Buôn Draihling đi thôn 1, xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	3.500	3.500		3.500	3.500	
15	Đường liên thôn Buôn Buôr đi Tiểu khu 1266, thôn 3 xã Hòa Xuân (giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	10.500	10.500		10.500	10.500	
16	Cải tạo, sửa chữa đường liên thôn 1 đi thôn 4 và thôn 4 đi thôn 3 (02 trục), xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	3.150	3.150		3.150	3.150	
17	Đường trục chính nội đồng Buôn Draihling, xã Hòa Xuân (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	4.500	4.500		4.500	4.500	
18	Đường trục chính nội đồng Buôn Buôr (02 trục), xã Hòa Xuân (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	7.800	7.800		7.800	7.800	
19	Đường trục chính nội đồng thôn 2, xã Hòa Xuân (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	750	750		750	750	
20	Đường trục chính nội đồng Buôn Cư Dluê (03 trục), xã Hòa Xuân (Giai đoạn 1)	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	2.000	2.000		2.000	2.000	
II	GIÁO DỤC			24.150	24.150	-	24.150	24.150	
1	Trường THCS Đoàn Kết; hạng mục: Nhà bộ môn 06 phòng + Thư viện, nhà vệ sinh và hệ thống PCCC	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	8.300	8.300		8.300	8.300	
2	Trường Tiểu học Ywang. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 04 phòng; phòng chức năng 04 phòng	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	5.400	5.400		5.400	5.400	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
					NSTP	Huy động, khác			
3	Trường tiểu học Phan Bội Châu; Hạng mục: Nhà lớp học 04 phòng, 02 phòng bộ môn và cải tạo sân trường	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	4.050	4.050		4.050	4.050	
4	Trường THCS Hòa Xuân; Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn, sân TDTT, nhà bảo vệ	Xã Hòa Xuân	UBND Xã Hòa Xuân	6.400	6.400		6.400	6.400	
III	THỦY LỢI			26.273	26.273	-	26.273	26.273	
1	Kênh sau đập Dã Prông, xã Cư Êbur	Xã Cư Êbur	UBND Xã Cư Êbur	4.437	4.437		4.437	4.437	
2	Kiên cố hóa kênh từ đập Hồ B đến cánh đồng buôn Kbu, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND Xã Hòa Khánh	2.356	2.356		2.356	2.356	
3	Nâng cấp, cải tạo hồ Ba Vòi và một số hạng mục thuộc hồ Ông Hòa, xã Hòa Khánh	Xã Hòa Khánh	Phòng Kinh tế	14.980	14.980		14.980	14.980	
4	Hệ thống kênh tưới, tiêu cánh đồng buôn M'Rê, xã Hòa Phú	Xã Hòa Phú	UBND Xã Hòa Phú	4.500	4.500		4.500	4.500	

Phụ lục 2c: BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN - DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số: 71 /NQ-HĐND ngày 28 / 4 /2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột)

ĐVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		
					NSTP	Huy động, khác		Tiền sử dụng đất	Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thuế, phí	
	TỔNG CỘNG			77.068	72.982	4.086	72.982	60.982	12.000	
I	Lĩnh vực giao thông			66.868	62.847	4.021	62.847	50.847	12.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Mạnh Trinh, phường Tân Thành	Phường Tân Thành	UBND Phường Tân Thành	13.500	13.500		13.500	13.500		
2	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Văn Đạt, phường Khánh Xuân (giai đoạn 1)	Phường Khánh Xuân	UBND Phường Khánh Xuân	21.166	21.166		21.166	12.966	8.200	
3	Đường giao thông kết nối đường Nguyễn Thị Định với đường Thủ Khoa Huân, phường Thành Nhất	Phường Thành Nhất	UBND Phường Thành Nhất	8.026	8.026		8.026	8.026		
4	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Nhuận, phường Tân Lợi (Giai đoạn 1)	Phường Tân Lợi	UBND Phường Tân Lợi	16.250	16.250		16.250	16.250		
5	Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Vận tải Đoàn Kết, xã Hoà Khánh	Xã Hòa Khánh	UBND xã Hòa Khánh	3.426	1.426	2.000	1.426	26	1.400	
6	Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất, phường Khánh Xuân	Phường Khánh Xuân	UBND Phường Khánh Xuân	4.500	2.479	2.021	2.479	79	2.400	
II	Lĩnh vực quản lý Nhà nước			10.200	10.135	65	10.135	10.135	-	
1	Cải tạo, sửa chữa Hội trường tổ dân phố 6, 8, 11, phường Tân Thành	Phường Tân Thành	UBND Phường Tân Thành	1.300	1.235	65	1.235	1.235		
2	Xây dựng kho lưu trữ và cải tạo một số hạng mục nhà làm việc tại 59 Lê Thánh Tông	Phường Thắng Lợi	Văn phòng HĐND & UBND TP	8.900	8.900		8.900	8.900		